

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày: 17-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chau Khon Sóc;
- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 và ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **108/2023/TLST-DS** ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 26/2024/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 32/2024/TB-TA ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1957; địa chỉ: số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ E, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Kim D, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ F, khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị S, sinh năm 1968; nơi cư trú: số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị S: Ông Nguyễn Trung Đ,

sinh năm 1987; địa chỉ: tổ E, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ trình bày: Ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 7999882, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH05518 ngày 09/5/2015, nên ngày 15/6/2022 ông đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy phép xây dựng số 44/GPXD, cùng ngày 15/6/2022 ông H tiến hành xây dựng công trình nhà ở với tổng diện tích 612,23m². Đến ngày 11/10/2022, bà D ngăn cản việc xây dựng, sau đó Ủy ban nhân dân thị trấn T tiến hành hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng hòa giải không thành, do đó Ủy ban nhân dân thị trấn T không cho ông H tiếp tục xây dựng, nên ông H đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T và được tiếp tục xây dựng cho đến nay. Do bà D ngăn cản việc xây dựng nên gây thiệt hại cho ông H. Do đó ông H yêu cầu bà Trần Kim D bồi thường thiệt hại tổng cộng là 49.827.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bồi thường thiệt hại về sắt móng nhà (móng băng ngang 1,20m, dài 13m) bị rỉ sét, giảm giá trị sử dụng 30%. Sắt các loại: 476kg x đơn giá 18.400 đồng x 30% = 2.627.000 đồng.

- Chi phí thuê người giữ vật tư: 30 ngày x 100.000 đồng/ ngày = 3.000.000 đồng.

- Nhân công xây dựng tại thời điểm ngày 11/10/2022 có 06 thợ làm; 03 thợ chính x 350.000 đồng = 1.050.000 đồng; 03 thợ phụ x 250.000 đồng = 750.000 đồng, tổng cộng là 1.800.000 đồng.

- Do sắt móng bị sét nên ngày 16/10/2022 có mướn 08 thợ đến làm thì bị ngăn cản; 04 thợ chính x 350.000 đồng = 1.400.000 đồng; 04 thợ phụ x 250.000 đồng = 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.400.000 đồng.

- Thời gian chậm đưa công trình vào sử dụng là 30 ngày, nhà xây dựng để cho thuê, diện tích là 600m², ngang 14m chia làm 03 căn liền kề, giá cho thuê là 40.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 11/10/2022 (bản photo), biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 06/7/2007 (bản photo), biên bản giải quyết đơn phản ánh của ông Lưu Văn H1 ngày 09/11/2022 (bản photo), ảnh chụp vỉ sắt bị sét trên giấy A4 (bản photo), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo), giấy phép xây dựng (bản photo), thông báo kết quả hòa giải đất đai (bản photo), tờ bán đất thổ cư (bản photo).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Kim D trình bày: Phần đất của bà giáp ranh với ông H1, bà đi làm Bình Dương thì nhận được điện thoại của cháu ruột tên C, nói với bà là ông H1 đang xây dựng nhà lấn chiếm phần đất nhà bà, do đó bà đã làm tờ tường trình yêu cầu Ủy

ban nhân dân thị trấn T giải quyết, và được Ủy ban thị trấn T tiến hành hòa giải nhưng không thành, nên ông H1 bị Ủy ban thị trấn T không cho tiếp tục thi công xây dựng nhưng ông H1 vẫn tiếp tục xây dựng, nên bà đã liên hệ phía Ủy ban nhân dân huyện T thì được biết lý do Ủy ban huyện T đồng ý tiếp tục cho thi công vì ông H1 hứa sẽ thi công trong phạm vi diện tích được cấp giấy chứng nhận. Sau đó, bà D đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và được thụ lý ngày 28/11/2022.

Do ông H1 tự ý xây dựng, việc ông H1 thiệt hại thì tự chịu bà D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H1.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ trình bày, ông H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Trần Kim D bồi thường thiệt hại về tài sản tổng cộng với số tiền 49.827.000 đồng. Ngoài tài liệu chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, ông H1 không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Trần Kim D trình bày, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của H1 do bà không có ngăn cản việc xây dựng.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Đ trình bày, bà Dương Thị S thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông Lưu Văn H.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nhưng vẫn còn có một số vi phạm như chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án:

Ông H xây dựng nhà ở là đúng theo quy định của pháp luật, nhưng do bà D ngăn cản là xâm phạm đến lợi ích của ông H, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ, chứng minh được chính hành vi xâm phạm của bà D dẫn đến thiệt hại cho ông H, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”. Bị đơn đang cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông H yêu cầu bà Trần Kim D bồi thường thiệt hại tổng cộng là 49.827.000 đồng, cụ thể như sau: Bồi thường thiệt hại về sắt móng nhà bị rỉ sét, giảm giá trị sử dụng 30%. Sắt các loại: 476kg x đơn giá 18.400 đồng x 30% = 2.627.000 đồng, thuê người giữ vật tư: 30 ngày x 100.000 đồng/ ngày = 3.000.000 đồng; nhân công xây dựng tại thời điểm ngày 11/10/2022 có 06 thợ làm, 03 thợ chính x 350.000 đồng = 1.050.000 đồng, 03 thợ phụ x 250.000 đồng = 750.000 đồng, tổng cộng là 1.800.000 đồng; do sắt móng bị sét nên ngày 16/10/2022 có mướn 08 thợ đến làm thì bị ngăn cản, 04 thợ chính x 350.000 đồng = 1.400.000 đồng, 04 thợ phụ x 250.000 đồng = 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.400.000 đồng; thời gian chậm đưa công trình vào sử dụng là 30 ngày, nhà xây dựng để cho thuê, diện tích là 600m², ngang 14m chia làm 03 căn liền kề, giá cho thuê là 40.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bị đơn bà D không đồng ý lời trình bày của ông H và cho rằng, ngày 11/10/2022 bà có yêu cầu ông H xây dựng nới ra 05cm, nhưng ông H không đồng ý và đề nghị bà đến Ủy ban nhân dân thị trấn T để hoà giải, kết quả hoà giải không thành. Sau đó, ông H tiếp tục thi công công trình xây dựng, bà không có hành vi ngăn cản do bà phải đi làm tại Bình Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D đã cung cấp Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, bà D với tư cách là nguyên đơn còn ông H là bị đơn trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà cho rằng, ông H có hành vi lấn chiếm đất của bà nên bà ngăn cản và khởi kiện. Nhưng tại Bản án sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, về việc bà yêu cầu ông H trả lại diện tích đất 24m², không chấp nhận yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà S, và tại Bản án phúc thẩm số 673/2024/DS-PT ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, ông H đã cung cấp cho Toà án biên bản giải quyết đơn phản ánh của ông Lưu Văn H1 ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, xác định ông H1 xây dựng nhà ở trong phạm vi diện tích đất mà ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên cho thấy, ông H1 không có lấn chiếm đất của bà D và xây dựng nhà ở theo đúng theo quy định của pháp luật, nhưng do bà D ngăn cản là xâm phạm đến lợi ích của ông H1.

Theo đơn khởi kiện, ông H1 cho rằng do bà D ngăn cản nên gây thiệt hại về tài sản cho ông, cụ thể: vật liệu xây dựng là sắt bị gỉ sét làm giảm 30% giá trị, tiền thuê nhân công, tiền thuê người giữ vật tư và tiền cho thuê nhà. Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 có có cung cấp hình ảnh sắt bị gỉ sét, biên nhận nhận tiền của nhân công và người giữ vật tư.

Xét, ông H1 cho rằng vật liệu xây dựng là sắt bị gỉ sét làm giảm 30% giá trị, chỉ cung cấp được hình ảnh, không có chứng cứ như là biên bản của cơ quan chuyên môn thẩm định sắt bị giảm giá trị, bên cạnh đó, sắt bị gỉ sét đã sử dụng toàn bộ cho công trình nên đã sử dụng toàn bộ giá trị của sắt, do sắt không còn nên Toà án không tiến hành xem xét được có giảm giá trị hay không. Bên cạnh đó, ông H1 nhận định bà D có hành vi ngăn cản không cho ông thi công công trình trong thời gian 01 tháng, nhưng bà D không có thừa nhận hành vi ngăn cản; ngoài ra ông H1 cũng không trình báo chính quyền địa phương lập biên bản về hành vi ngăn cản của bà D, tại biên bản hoà giải của Ủy ban nhân dân thị trấn T cũng không có ghi nhận nội dung yêu cầu ông H1 ngừng thi công. Đối với số tiền cho thuê nhà, tại thời điểm các bên tranh chấp, công trình chưa hoàn thành, vẫn chưa ký hợp đồng thuê với ai, ông H1 cũng không cung cấp hợp đồng thuê nhà nên thiệt hại vẫn chưa xảy ra.

Nhận thấy, những tài liệu chứng cứ do ông H1 cung cấp không chứng minh được thiệt hại về tài sản, cũng không chứng minh được bà D có hành vi ngăn cản gây thiệt hại về tài sản cho ông. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H1 không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông Lưu Văn H không được chấp nhận nên phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 584, 585, 588 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn H về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Kim D bồi thường thiệt hại số tiền 49.827.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Văn H phải chịu 2.491.000 (Hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Kim D, ông Lưu Văn H, bà Dương Thị S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H.Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Oanh Đ1 Ra